**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MỸ XUYÊN**
**TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2019.
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lâm Thị Tám

2. Ông Đặng Thanh Phong.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần P, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Thạnh Q, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên:* Cháu Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 14/7/2006 (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 27/5/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:* Bà và ông Nguyễn Trần P kết hôn vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm, đến năm 2005 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông P thường xuyên đi uống rượu, bà L đã cố gắng khuyên nhưng ông P thay đổi. Đến năm 2010 bà L và ông P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng trong thời gian chung sống đến nay đã hơn 10 năm, ông P vẫn thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện nên vợ chồng hay cải nhau, không có hạnh phúc, nhiều lần bà đã nghĩ đến việc ly hôn. Nay bà L xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, thời gian khoảng 03 năm nay vợ chồng không còn quan tâm nhau, bà và ông P không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trần P.

Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trần P có một người con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 14/7/2006. Bà L yêu cầu được quyền nuôi con. Không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 27/6/2019, bị đơn ông Nguyễn Trần P trình bày:* Ông và bà Trần Thị L kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn vào năm 2010. Trong quá trình chung sống ông và bà L có một người con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 14/7/2006. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, Cháu Nguyễn Thị Ái V trình bày:* Khi cha, mẹ cháu là bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trần P ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Trần P đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử nhưng ông P có đơn xin vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Trần P.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L; Về con chung: Giao cho bà Trần Thị L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 14/7/2006 đến tuổi trưởng thành; Ông Nguyễn Trần Pđược quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Trần P đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông Pcó đơn xin vắng mặt tại phiên tòa (BL 20), nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Trần P.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trần P là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trần P kết hôn vào năm 2004. Có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trần P là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông P, vì ông P thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên cải nhau, thời gian khoảng 03 năm nay bà và ông P không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông P, hôn nhân không thể hàn gắn được. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trần P không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trần Pcó một người con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 14/07/2006, bà L yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 15/7/2019 (BL 18) và tại phiên tòa, cháu V có nguyện vọng được sống với mẹ. Nguyện vọng của cháu V là hợp lý và chính đáng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Trần Thị L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Ái V đến tuổi trưởng thành (theo nguyện vọng của cháu V).

[3] Ông Nguyễn Trần P được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị L là người trực tiếp nuôi con, nhưng bà L cho rằng đủ khả năng để nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận ý kiến của bà L không yêu cầu ông Pcấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị L trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được quyền ly hôn với ông Nguyễn Trần P.

[2] Về con chung: Giao cho bà Trần Thị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 14/7/2006 đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Nguyễn Trần P được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị L không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008954 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà L đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Hòa 1;
(Đăng ký kết hôn số 63
Quyển 1/2010, ngày 21/10/2010);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**